

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số CB: 31/TPCA/2025.

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần công nghệ thực phẩm Châu Á

Địa chỉ: Số 08, Đường TS 15, Khu Công Nghiệp Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 84.222.3710720/3714146 Fax: 84.222.3714036

E-mail: afotech@afotech.vn

Mã số doanh nghiệp: 2300235006

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng – ISO 9001:2015 số VN22/00000121.

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm – ISO 22000:2018 số VN22/00000169.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: CUNG ĐÌNH KOOL MÌ GẠO HƯƠNG VỊ BÒ HÀM KIỂU ĐÀI LOAN**

**2. Thành phần:**

**Vất sợi:** Gạo (634,82 g/kg), chất làm dày (1404, 466, 412, 451(i)), tinh bột khoai tây (158,7 g/kg), muối, chất nhũ hóa (475, 322(i)), màu tự nhiên (164), chất chống oxy hóa (307b).

**Gói xốt:** Nước, muối, dầu cọ, đường, hành, chất điều vị (621, 631, 627, 364(ii)), xì dầu đặc biệt Lee Kum Kee, tỏi, gừng, hỗn hợp bột (bột ớt, bột tỏi, bột tiêu, bột hành, bột xuyên tiêu, bột nhục đậu khấu), sữa bột gầy, sả, ớt, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, bột gia vị, chiết xuất nấm men, chất làm dày (415), chất tạo ngọt tổng hợp (950), chất bảo quản (202, 211), chất chống oxy hóa (319).

**Gói tương ớt:** Nước, chất làm dày (422, 1422, 415), muối, dầu cọ, đường, bột ớt (30 g/kg), chất điều vị (621), chất chống oxy hóa (316, 319), chất điều chỉnh độ acid (330), màu tự nhiên (171, 164, 160c(i)), chất bảo quản (202, 211), chất tạo ngọt tổng hợp (950).

**Gói rau:** Giả thịt (từ protein lúa mì), rau sấy (hành lá, cà rốt).

### **3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

08 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì của sản phẩm.

### **4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

Đối với quy cách đóng gói dạng gói: chất liệu bao bì gói mì là OPP30/MCPP25; chất liệu bao bì gói rau là OPP20/PEMB15/MPET12/LLDPE30; chất liệu bao bì gói sốt là PET12/MPET12/LLDPE40.

Đối với quy cách đóng gói dạng thố: chất liệu bao bì thố là giấy PE và giấy duplex; chất liệu bao bì gói rau là OPP20/PEMB15/MPET12/LLDPE30; chất liệu bao bì gói sốt là PET12/MPET12/LLDPE40.

Khối lượng tịnh: 70 g, 75 g, 77 g, 80 g, 85 g, 90 g, 95 g, 100 g.

### **5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Công ty cổ phần công nghệ thực phẩm Châu Á.

Số 8, đường TS15, KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

### **III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)**

### **IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 08 năm 2025



**GIÁM ĐỐC CHẤT LƯỢNG**  
*Nguyễn Văn Vinh*

023:  
ÔNG  
CỔ PH  
NG N  
LỰC P  
CHÀU  
DU - T

**PHỤ LỤC 01**  
**TIÊU CHUẨN CƠ SỞ SẢN PHẨM.**  
(Đính kèm bản Tự công bố số 31/TPCA/2025)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BẮC NINH	NHÓM CÁC SẢN PHẨM TỪ GẠO ĐÃ CHẾ BIẾN	SỐ TCCS: 31/TPCA/2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM CHÂU Á	CUNG ĐÌNH KOOL MÌ GẠO HƯƠNG VỊ BÒ HÀM KIỂU ĐÀI LOAN	Có hiệu lực kể từ ngày ký

**1. Yêu cầu kỹ thuật:**

**1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:**

Trạng thái: Vắt sợi nguyên vẹn, sợi đều, không gãy, không vỡ. Các gói gia vị bên trong nguyên vẹn, đầy đủ (gói sốt, gói rau, gói sốt ớt).

Màu sắc: Sợi vàng nhạt đến vàng, gói sốt bên trong màu nâu vàng đến nâu đỏ.

Mùi vị: Mùi thơm đặc trưng, vị ngon, không có mùi vị lạ.

**1.2. Các chỉ tiêu hóa lý:**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm của vắt sợi	% khối lượng	$\leq 14$
2	Năng lượng	kcal/100g	215 ÷ 400
3	Hàm lượng chất đạm của sản phẩm	g/100g	4,1 ÷ 7,6
4	Hàm lượng carbohydrat của sản phẩm	g/100g	45 ÷ 84
5	Hàm lượng chất béo của sản phẩm	g/100g	2,4 ÷ 5,6
6	Hàm lượng chất béo bão hòa của sản phẩm	g/100g	1,1 ÷ 2,5
7	Hàm lượng Natri	mg/100g	1500 ÷ 2800

- 1.3. **Hàm lượng kim loại nặng:** (tuân theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế dành cho nhóm sản phẩm ngũ cốc)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,2$
2	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	$\leq 0,4$

- 1.4. **Hàm lượng độc tố vi nấm:** (tuân theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm các loại ngũ cốc và sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bao gồm cả sản phẩm ngũ cốc đã qua chế biến; ngũ cốc sử dụng làm thực phẩm, các sản phẩm ngũ cốc (đã và chưa qua chế biến)).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn
1	Hàm lượng aflatoxin B1	ppb	$\leq 2$
2	Hàm lượng aflatoxin tổng số	ppb	$\leq 4$
3	Hàm lượng Ochratoxin A	ppb	$\leq 3$

M.S.D.

1 cm

7.87 cm

15.75 cm

7.87 cm

1 cm

1.4 cm

1.4 cm



Khối lượng tịnh: 77 g  
Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm

MÌ GẠO BÒ HẦM 335 X 210mm



**THÀNH PHẦN:**  
**Vết sợi:** Gạo (634.82 g/kg), chất làm dày (1404, 466, 412, 451(0)), tinh bột khoai tây (138.7 g/kg), muối, chất nhũ hóa (475, 322(0)), màu tự nhiên (164), chất chống oxy hóa (307b).  
**Gói sốt:** Nước muối, dầu cọ, đường, hành, chất điều vị (621, 631, 627, 364(0)), xi dầu đặc biệt Lee Kum Kee, tỏi, gừng, hỗn hợp bột (bột ớt, bột tỏi, bột tiêu, bột hành, bột xuyên tiêu, bột nhục đậu khấu), sò bột gạo, sả, ớt, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, bột gia vị, chất xuất nấm men, chất làm dày (415), chất tạo ngọt tổng hợp (950), chất bảo quản (202, 211), chất chống oxy hóa (319).  
**Gói tương ớt:** Nước, chất làm dày (422, 1422, 415), muối, dầu cọ, đường, bột ớt (30 g/kg), chất điều vị (621), chất chống oxy hóa (316, 319), chất điều chỉnh độ acid (330), màu tự nhiên (171, 164, 160c(0)), chất bảo quản (202, 211), chất tạo ngọt tổng hợp (950).  
**Gói rau:** Giá thể (từ protein lúa mì), rau sấy (hành lá, cà rốt).

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:**  
 Cho vết sợi và các gói gia vị vào tô.  
 Chế khoảng 400 ml nước sôi, đậy nắp lại trong 3 phút.  
 Trộn đều và dùng được ngay.  
**BẢO QUẢN:**  
 Bảo quản nơi khô mát và tránh ánh nắng mặt trời.  
 Nên pha chế ngay sau khi mở bao bì.  
 Tránh để gần hóa chất hoặc sản phẩm có mùi mạnh.

**THÀNH PHẦN CHẾ BIẾN:**  
 Sản phẩm có chứa: dầu ăn, gluten lúa mì, sữa.  
 Không sử dụng sản phẩm quá hạn hoặc hết hạn sử dụng của nguyên liệu.

**NUTRITION FACTS**

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH CỎ TRONG 1 GÓI 77 g GÓM	
Giá trị năng lượng	239.47 kcal
Chất béo	3.07 g
Carbohydrat	49.51 g
Chất đạm	4.53 g
Natri	1663.2 mg
Chất béo bão hòa	1.40 g

**ISO 9001 : 2015**  
**ISO 22000 : 2018**  
**TU VẤN KHÁCH HÀNG**  
**84.222.371.4037**

SỐ TCCS: 31/TPCA/2025  
**NSK: (Xem trên bao bì)**  
**HSD: (Xem trên bao bì)**

Sản xuất tại:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM CHÂU Á,**  
 56 08 đường T515 khu công nghiệp Tiên Sơn, Xã Đại Đồng,  
 Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam  
 Tel: 84.222.371.0720 / 3714146  
 Email: afotech@afotech.vn Website: www.afotech.vn







## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM CHÂU Á

Số 08, đường TS15, khu công nghiệp Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du  
Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NGM22504120170-HN

Mã số mẫu : 743-2025-00060471

Mã số Eol : 005-32410-443286  
 Tên mẫu : CUNG ĐÌNH KOOL MÌ GẠO HƯƠNG VỊ BÒ HẦM KIỂU ĐÀI LOAN  
 Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm  
 Ngày nhận mẫu : 12/04/2025 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 17/04/2025  
 Thời gian thử nghiệm : 14/04/2025 - 19/04/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	2.31
2	VD0BN VD (a) Chất béo bão hòa	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	1.81
3	VD210 VD (a) Độ ẩm	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3496 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	18.6
4	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	6.05
5	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	21600
6	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
7	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết (<0.05)
8	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
9	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
10	VDERJ VD (m) Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	64.3
11	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	3.99
12	VDS54 VD (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	5.88
13	VDKBH VD (a) Độ ẩm (vắt mi)	g/ 100 g	TCVN 7879:2008 (Codex stan 249:2006)	9.62
14	VD9T0 VD (m) Năng lượng (bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	311
15	VD4V0 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	ISO 15141:2018	Không phát hiện (LOD=0.2)

Phát hiện vết: kết quả  $\geq$  LOD và  $<$  LOQ  
 LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.  
 LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00060471

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung  
Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

  
Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 23/04/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 23/04/2025.

### Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.

